TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2018
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Trương Kim Chung.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Văn Hạnh, bà Hoàng Thị Hồng.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Ngụy Thế Xuân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa*: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29/6/2018, tại phòng xử án Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét số 24/2018/QĐST- HNGĐ ngày 29/5/2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 02/18 đường T, tổ dân phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

-*Bị đơn:* Anh Trần Vĩnh P, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 109 đường A, tổ dân phố X, phường Đ, thị xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Vĩnh P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/3/2011 tại UBND phường Đ, thị xã C, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích lẫn nhau và vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên tôi xin ly hôn với anh Trần Vĩnh P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Trần Thị Khánh L - sinh ngày 28/9/2011 hiện nay cháu đang ở với tôi, tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho cháu L đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chi H rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu anh Phát phải trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Vĩnh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] ***Về khởi kiện và thụ lý vụ án***: Ngày 26/2/2018 chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện, ngày 07/3/2018 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về thẩm quyền giải quyết***: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Về trình tự thủ tục tố tụng*:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn anh Trần Vĩnh P không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngày 13/6/2018 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 29/6/2018 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị H và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/3/2011 tại UBND phường Đ, thị xã C, tỉnh Đăk Lăk là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích lẫn nhau. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng sinh sống được biết khoảng đầu năm 2017 vợ chồng anh P, chị H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh P không lo tu chí làm ăn, không vun vén gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Vĩnh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Nguyễn Thị H và anh Trần Vĩnh P ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] ***Về nuôi con chung và cấp dưỡng***:

[5.1] Về nuôi con chung: Chị H, anh P có 01 con chung là cháu Trần Thị Khánh L - sinh ngày 28/9/2011. Xét thấy hiện nay cháu L còn nhỏ và đanh sinh sống ổn định với chị H. Mặt khác chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho cháu L đến tuổi trưởng thành, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Trần Thị Khánh L - sinh ngày 28/9/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ tuổi

thành niên là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu L. Anh Trần Vĩnh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2]Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị H rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu anh P phải trợ cấp nuôi con chung, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] ***Về tài sản chung và nợ chung***: Vợ chồng không có tài sản chung, chị Hiền không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]*Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các điều 56, 81, 82, 83, và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Vĩnh P.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị Khánh L - sinh ngày 28/9/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001106 ngày 07/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- UBND P.Thiện An;
- UBND P.Đoàn Kết;
-Chi cụcTHA dân sự TX Buôn Hồ;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Kim Chung